|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD - ĐT AN PHÚ**TRƯỜNG THCS AN PHÚ** |  |

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ II**

**MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN 6**

**Năm học: 2021 - 2022**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Đối với học sinh:** Củng cố lại kiến thức đã học, rèn luyện kỹ năng và tự đánh giá kiến thức của mình, từ đó có hướng phấn đấu tốt hơn.

2. **Đối với giáo viên:** Đánh giá kết quả học tập của học sinh, nắm được khả năng tiếp thu bài của các em, từ đó có hướng điều chỉnh phương pháp giảng dạy cho phù hợp.

**II. HÌNH THỨC KIỂM TRA**

Trắc nghiệm khách quan kết hợp với tự luận

**III. THIẾT LẬP MA TRẬN ĐỀ**

**1. Ma trận đề**

a) Thời gian làm bài: 60 phút

b) Số lượng câu hỏi và điểm số:

- Trắc nghiệm khách quan: 14 câu, chiếm 7,0 điểm;

- Tự luận: 03 câu, chiếm 3,0 điểm.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chủ đề - Nội dung** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận** | **Tổng số câu** | **Tổng điểm** |
| NB | TH | VD | VDC | TN | TL | TN | TL |
| 1 | Chủ đề 8: Đa dạng thế giới sống | 3TNTL | 2TN | 2TN | TN | 8 | 1 | 4 | 1 |
| 2 | Chủ đề 9: Lực | TN | TL | TL | TN | 2 | 2 | 1 | 2 |
| 3 | Chủ đề 10: Năng lượng và cuộc sống | TN | TN |  |  | 2 | 0 | 1 | 0 |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 4 | Chủ đề 11: Trái Đất và Bầu Trời | TN | TN |  |  | 2 | 0 | 1 | 0 |
| **Tổng số câu** | **7** | **5** | **3** | **2** | **14** | **3** |  |  |
| **Thời gian (phút)** | **18,5** | **19** | **18** | **4,5** | **31,5** | **28,5** |  |  |
| **Tổng điểm** | **4,0** | **3,0** | **2,0** | **1,0** |  |  | **7,0** | **3,0** |

**2. Bản đặc tả đề kiểm tra**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chủ đề - Nội dung** | **Yêu cầu cần đạt** | **Số câu hỏi theo mức độ cần đạt** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| 1 | **Chủ đề 8: Đa dạng thế giới sống**a) Phân loại thế giới sống.b) Sự đa dạng các nhóm sinh vật- Virus và vi khuẩn:+ Khái niệm+ Cấu tạo sơ lược+ Sự đa dạng+ Một số bệnh gây ra bởi virus và vi khuẩn- Đa dạng nguyên sinh vật:+ Sự đa dạng của nguyên sinh vật+ Một số bệnh do nguyên sinh vật gây nên- Đa dạng nấm:Sự đa dạng của nấm+ Vai trò của nấm+ Một số bệnh do nấm gây ra- Đa dạng thực vật: + Sự đa dạng+ Thực hành- Đa dạng động vật:+ Sự đa dạng+ Thực hànhc) Vai trò của đa dạng sinh học trong tự nhiênd) Bảo vệ đa dạng sinh họcđ) Tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên | [NB] - Nhận biết được sinh vật có hai cách gọi tên: tên địa phương và tên khoa học.[VD,VDC] - Lấy được ví dụ chứng minh thế giới sống đa dạng về số lượng loài và đa dạng về môi trường sống.[TH] - Từ hình ảnh với các đặc điểm của sinh vật, hướng dẫn học sinh xây dựng khóa lưỡng phân.[NB] - Quan sát hình ảnh và mô tả được hình dạng và cấu tạo đơn giản của virus (gồm vật chất di truyền và lớp vỏ protein) và vi khuẩn.[TH] - Phân biệt được virus và vi khuẩn (chưa có cấu tạo tế bào và đã có cấu tạo tế bào).[NB] - Dựa vào hình thái, nhận ra được sự đa dạng của vi khuẩn.[NB] - Nêu được một số bệnh do virus và vi khuẩn gây ra. Trình bày được một số cách phòng và chống bệnh do virus và vi khuẩn gây ra.[NB] - Nêu được một số vai trò và ứng dụng virus và vi khuẩn trong thực tiễn.[VD, VDC] - Vận dụng được hiểu biết về virus và vi khuẩn vào giải thích một số hiện tượng trong thực tiễn (ví dụ: vì sao thức ăn để lâu bị ôi thiu và không nên ăn thức ăn ôi thiu; biết cách làm sữa chua, ...).[NB] - Vẽ được hình vi khuẩn thông qua ảnh chụp vi khuẩn qua kính hiển vi quang học.[NB] - Nhận biết được một số đối tượng nguyên sinh vật thông qua quan sát hình ảnh, mẫu vật (ví dụ: trùng roi, trùng đế giày, trùng biến hình, tảo silic, tảo lục đơn bào, ...).[NB] - Dựa vào hình thái, nêu được sự đa dạng của nguyên sinh vật.[NB] - Nêu được một số bệnh do nguyên sinh vật gây nên. Trình bày được cách phòng và chống bệnh do nguyên sinh vật gây ra.[NB] - Vẽ được hình nguyên sinh vật thông qua quan sát ảnh chụp qua kính lúp và kính hiển vi quang học.[NB] - Nhận biết được một số đại diện nấm thông qua quan sát hình ảnh, mẫu vật (nấm đơn bào, đa bào. Một số đại diện phổ biến: nấm đảm, nấm túi, ...). Dựa vào hình thái, trình bày được sự đa dạng của nấm.[NB] - Trình bày được vai trò của nấm trong tự nhiên và trong thực tiễn (nấm được trồng làm thức ăn, dùng làm thuốc, ...).[NB] - Nêu được một số bệnh do nấm gây ra. Trình bày được cách phòng và chống bệnh do nấm gây ra.[VD, VDC] - Vận dụng được hiểu biết về nấm vào giải thích một số hiện tượng trong đời sống như kĩ thuật trồng nấm, nấm ăn được, nấm độc, ...[NB] - Vẽ được hình nấm thông qua quan sát ảnh chụp (quan sát bằng mắt thường hoặc qua kính lúp).[TH] - Dựa vào sơ đồ, hình ảnh, mẫu vật, phân biệt được các nhóm thực vật: Thực vật không có mạch (Rêu); Thực vật có mạch, không có hạt (Dương xỉ); Thực vật có mạch, có hạt (Hạt trần); Thực vật có mạch, có hạt, có hoa (Hạt kín).[NB] - Trình bày được vai trò của thực vật trong đời sống và trong tự nhiên: làm thực phẩm, đồ dùng, bảo vệ môi trường (trồng và bảo vệ cây xanh trong thành phố, trồng cây gây rừng, ...).[TH] - Quan sát hình ảnh, mẫu vật thực vật và phân chia được thành các nhóm thực vật theo các tiêu chí phân loại đã học.[TH] - Phân biệt được hai nhóm động vật không xương sống và có xương sống. Lấy được ví dụ minh hoạ.[NB] - Nhận biết được các nhóm động vật không xương sống dựa vào quan sát hình ảnh hình thái (hoặc mẫu vật, mô hình) của chúng (Ruột khoang, Giun; Thân mềm, Chân khớp). Gọi được tên một số con vật điển hình.[NB] - Nhận biết được các nhóm động vật có xương sống dựa vào quan sát hình ảnh hình thái (hoặc mẫu vật, mô hình) của chúng (Cá, Lưỡng cư, Bò sát, Chim, Thú). Gọi được tên một số con vật điển hình.[NB] - Nêu được một số tác hại của động vật trong đời sống.[NB] - Kể được tên một số động vật quan sát đượcqua ảnh chụp hoặc video.[NB] - Nêu được vai trò của đa dạng sinh học trong tự nhiên và trong thực tiễn (làm thuốc, làm thức ăn, chỗ ở, bảo vệ môi trường,...).[TH] - Giải thích được vì sao cần bảo vệ đa dạng sinh học.[NB] - Trình bày được một số phương pháp tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên: quan sát bằng mắt thường, kính lúp, ống nhòm.[NB] - Nhận biết được vai trò của sinh vật trong tự nhiên (Ví dụ, cây bóng mát, điều hòa khí hậu, làm sạch môi trường, làm thức ăn cho động vật, ...).[TH] - Sử dụng được khoá lưỡng phân để phân loại một số nhóm sinh vật.[TH] - Quan sát và phân biệt được một số nhóm thực vật qua ảnh chụp hoặc video.[TH] - Chọn ảnh và làm được bộ sưu tập ảnh về các nhóm sinh vật (thực vật, động vật có xương sống, động vật không xương sống).[TH] - Làm và trình bày được báo cáo đơn giản về kết quả tìm hiểu sinh vật qua ảnh chụp hoặc video. | 4 | 2 | 2 | 1 |
| 2 | **Chủ đề 9: Lực**- Lực và tác dụng của lực- Lực tiếp xúc và lực không tiếp xúc- Ma sát- Khối lượng và trọng lượng- Biến dạng của lò xo | [VD, VDC] - Lấy được ví dụ để chứng tỏ lực là sự đẩy hoặc sự kéo.[VD, VDC] - Biểu diễn được một lực bằng một mũi tên có điểm đặt tại vật chịu tác dụng lực, có độ lớn và theo hướng của sự kéo hoặc đẩy.[VD, VDC] - Lấy được ví dụ về tác dụng của lực làm: thay đổi tốc độ, thay đổi hướng chuyểnđộng, biến dạng vật.[NB] - Nêu được cách đo lực bằng lực kế lò xo, đơn vị là niu tơn (Newton, kí hiệu N) (không yêu cầu giải thích nguyên lí đo).[NB] - Nêu được: Lực tiếp xúc xuất hiện khi vật (hoặc đối tượng) gây ra lực có sự tiếp xúc với vật (hoặc đối tượng) chịu tác dụng của lực; lấy được ví dụ về lực tiếp xúc.[NB] - Nêu được: Lực không tiếp xúc xuất hiện khi vật (hoặc đối tượng) gây ra lực không có sự tiếp xúc với vật (hoặc đối tượng) chịu tác dụng của lực; lấy được ví dụ về lực không tiếp xúc.[NB] - Nêu được: Lực ma sát là lực tiếp xúc xuất hiện ở bề mặt tiếp xúc giữa hai vật; kháiniệm về lực ma sát trượt; khái niệm về lực ma sát nghỉ.[NB] - Sử dụng tranh, ảnh (hình vẽ, học liệu điện tử) để nêu được: Sự tương tác giữa bề mặt của hai vật tạo ra lực ma sát giữa chúng.[NB] - Nêu được tác dụng cản trở và tác dụng thúc đẩy chuyển động của lực ma sát.[VD, VDC] - Lấy được ví dụ về một số ảnh hưởng của lực ma sát trong an toàn giao thông đường bộ.[TH] - Nêu được thí ví dụ chứng tỏ: khi vật chuyển động thì vật chịu tác dụng của lực cản môi trường (nước, hoặc không khí).[NB] - Nêu được các khái niệm: khối lượng (số đo lượng chất của một vật), lực hấp dẫn (lực hút giữa các vật có khối lượng), trọng lượng của vật (độ lớn lực hút của Trái Đất tác dụng lên vật).[VD, VDC] - Chứng minh được độ giãn của lò xo treo thẳng đứng tỉ lệ với khối lượng của vật treo từ kết quả thí nghiệm được cung cấp. | 1 | 1 | 1 | 1 |
| 3 | **Chủ đề 10: Năng lượng và cuộc sống.**- Khái niệm về năng lượng- Một số dạng năng lượng- Sự chuyển hoá năng lượng- Năng lượng hao phí- Năng lượng tái tạo- Tiết kiệm năng lượng | [VD, VDC] - Từ tranh ảnh (hình vẽ, hoặc học liệu điện tử) hiện tượng trong khoa học hoặc thực tế, lấy được ví dụ để chứng tỏ năng lượng đặc trưng cho khả năng tác dụng lực.[TH] - Phân loại được năng lượng theo tiêu chí.[NB] - Nêu được: Vật liệu giải phóng năng lượng, tạo ra nhiệt và ánh sáng khi bị đốt cháy gọi là nhiên liệu.[NB] - Nêu được sự truyền năng lượng trong một số trường hợp đơn giản trong thực tiễn.[VD, VDC] - Lấy ví dụ chứng tỏ được: Năng lượng có thể chuyển từ dạng này sang dạng khác, từ vật này sang vật khác.[NB] - Nêu được định luật bảo toàn năng lượng và lấy được ví dụ minh hoạ.[NB] - Nêu được: Năng lượng hao phí luôn xuất hiện khi năng lượng được chuyển từ dạng này sang dạng khác, từ vật này sang vật khác.[VD, VDC] - Lấy được ví dụ về một số loại năng lượng tái tạo thông dụng.[TH] - Đề xuất được biện pháp để tiết kiệm năng lượng trong các hoạt động hằng ngày. | 1 | 1 |  |  |
| 4 | **Chủ đề 11: Trái Đất và Bầu Trời**-Chuyển động nhìn thấy của Mặt Trời- Chuyển động nhìn thấy của Mặt Trăng- Hệ Mặt Trời- Ngân Hà | [TH] - Giải thích được một cách định tính và sơ lược: từ Trái Đất thấy Mặt Trời mọc và lặn hằng ngày.[NB] - Nêu được Mặt Trời và sao là các thiên thể phát sáng; Mặt Trăng, các hành tinh và sao chổi phản xạ ánh sáng Mặt Trời.[TH] - Giải thích được một số hình dạng nhìn thấy của Mặt Trăng trong Tuần Trăng.[TH] - Mô tả được sơ lược cấu trúc của hệ Mặt Trời, nêu được các hành tinh cách Mặt Trời các khoảng cách khác nhau và có chu kì quay khác nhau.[TH] - Sử dụng tranh ảnh (hình vẽ hoặc học liệu điện tử) chỉ ra được hệ Mặt Trời là một phần nhỏ của Ngân Hà. | 1 | 1 |  |  |

**NGƯỜI RA MA TRẬN**

**Huỳnh Phước Quang**

|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD - ĐT AN PHÚ**TRƯỜNG THCS AN PHÚ** |  |

**KIỂM TRA CUỐI KỲ II (ĐỀ 2)**

**Năm học: 2021 - 2022**

**MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN. KHỐI 6**

**Thời gian: 60 phút (không kể thời gian phát đề)**

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM: 7,0 điểm (mỗi câu đúng được 0,5 điểm)**

***Chọn đáp án đúng với nội dung của câu hỏi tương ứng***

**Câu 1:** Nguyên sinh vật là nhóm sinh vật …

A. có cấu tạo tế bào nhân thực, đa số có kích thước hiển vi.

B. có cấu tạo tế bào nhân sơ, đa số có kích thước hiển vi.

C. chưa có cấu tạo tế bào, đa số có kích thước hiển vi.

D. có cấu tạo tế bào nhân thực, kích thước lớn.

**Câu 2:** Thuỷ tức là đại diện của nhóm động vật nào sau đây?

A. Thân mềm. B. Giun.

C. Ruột khoang. D. Chân khớp.

**Câu 3:** Cá cóc Tam đảo là đại diện của nhóm động vật nào sau đây?

A. Lớp Cá. B. Lớp Thú.

C. Lớp Bò sát. D. Lớp Lưỡng cư.

**Câu 4:** Trong các loài thực vật sau, loài nào cơ thể có cả hoa, quả và hạt?

A. Cây bưởi. B. Cây vạn tuế.

C. Nêu tản. D. Cây thông.

**Câu 5:** Có thể dựa vào đặc điểm nào sau đây để phân biệt nhóm Động vật không xương sống và Động vật có xương sống?

A. Bộ xương ngoài. B. Xương cột sống.

C. Lớp vỏ. D. Vỏ calium.

**Câu 6:** Con đường lây truyền nào sau đây không phải là con đường lây truyền bệnh lao phổi?

A. Tiếp xúc trực tiếp với nguồn gây bệnh.

B. Thông qua đường tiêu hoá.

C. Thông qua đường máu.

D. Thông qua đường hô hấp.

**Câu 7:** Trong các bệnh sau đây, bệnh nào do virus gây nên?

A. Bệnh kiết lị. B. Bệnh tả.

C. Bệnh vàng da. D. Bệnh dại.

**Câu 8:** Biện pháp nào sau đây không phải là bảo vệ đa dạng sinh học?

A. Nghiêm cấm phá rừng để bảo vệ môi trường sống của các loài sinh vật.

B. Cấm săn bắt, buôn bán, sử dụng trái phép các loài động vật hoang dã.

C Tuyên truyền, giáo dục rộng rãi trong nhân dân để mọi người tham gia bảo vệ rừng.

D. Dừng hết mọi hoạt động khai thác động vật, thực vật của con người.

**Câu 9:** Trọng lượng là …

A. tác dụng đẩy hoặc kéo của vật này lên vật khác.

B. lực hút giữa các vật có khối lượng.

C. độ lớn lực hút của Trái Đất tác dụng lên vật.

D. lực xuất hiện khi một vật trượt trên bề mặt của vật khác.

**Câu 10:** Trái Đất có hiện tượng ngày và đêm luân phiên là do …

A. Mặt Trời mọc ở đằng Đông, lặn ở đằng Tây.

B. Trái Đất tự quay quanh trục của nó theo hướng từ Tây sang Đông.

C. Trái Đất tự quay quanh trục của nó theo hướng từ Đông sang Tây.

D. Mặt Trời chuyển động từ Đông sang Tây.

**Câu 11:** Khi người thợ đóng đi vào tường thì lực nào đã làm đinh cắm vào tường?

A. Búa đã tác dụng một lực đẩy vào đinh khiến đinh cắm vào tường.

B. Búa đã tác dụng một lực kéo vào đinh khiến đinh cắm vào tường.

C. Đinh đã tác dụng một lực đẩy vào búa khiến đinh cắm vào tường.

D. Đinh đã tác dụng một lực kéo vào búa khiến đinh cắm vào tường.

**Câu 12:** Nhiên liệu là …

A. là các vật liệu khi bị đốt cháy giải phóng năng lượng dưới dạng nhiệt và ánh sáng.

B. là các vật liệu khi bị đốt cháy chỉ giải phóng năng lượng dưới dạng nhiệt.

C. là các vật liệu khi bị đốt cháy chỉ giải phóng năng lượng dưới dạng ánh sáng.

D. là các vật liệu khi bị đốt cháy không giải phóng năng lượng dưới dạng nhiệt và ánh sáng.

**Câu 13:** Vào đêm không Trăng, chúng ta **không** nhìn thấy Mặt Trăng là vì …

A. Mặt Trời không chiếu sáng Mặt Trăng.

B. Mặt Trăng không phản xạ ánh sáng Mặt Trời.

C. ánh sáng phản xạ từ Mặt Trăng không chiếu tới Trái Đất.

D. Mặt Trăng bị che khuất bởi Mặt Trời.

**Câu 14:** Cách sử dụng đèn thắp sáng nào dưới đây **không** tiết kiệm điện năng?

A. Dùng bóng đèn compact thay cho bóng đèn dây tóc.

B. Tắt đèn khi ra khỏi phòng quá 15 phút.

C. Chỉ bật bóng đèn đủ sáng gần nơi sử dụng.

D. Bật đèn cả khi phòng có đủ ánh sáng tự nhiên chiếu vào.

**II. PHẦN TỰ LUẬN: 3,0 điểm**

**Câu 1 (1,0 điểm):** Nêu hình dạng và các thành phần cấu tạo nên vi khuẩn.

**Câu 2 (1,0 điểm):** Hãy giải thích tại sao ở cùng một độ cao, khi thả 2 tờ giấy giống hệt nhau, một tờ được vo tròn và một tờ được giữ nguyên thì tờ giấy được giữ nguyên lại rơi chậm hơn tờ giấy được vo tròn?

**Câu (1,0 điểm):** Hãy biểu diễn lực tác dụng lên một vật nằm ngang, chiều từ phải qua trái, có độ lớn F = 40 N với tỷ xích 1 cm ứng với 10 N.

**TM. GIÁO VIÊN RA ĐỀ**

**GIÁO VIÊN PHỤ TRÁCH**

**Huỳnh Phước Quang**

|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD VÀ ĐT AN PHÚ**TRƯỜNG THCS AN PHÚ** |  |

**HƯỚNG DẪN CHẤM BÀI KIỂM TRA CUỐI KỲ II (ĐỀ 2)**

**MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN. KHỐI 6**

**Năm học : 2021– 2022**

**I. PHẦN TRẮC NGHIỆM:** **(7,0 điểm)**

*Mỗi câu trả lời đúng:* ***được 0,5 điểm*** *(14 câu x 0,5 điểm = 7,0 điểm)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu 1 | Câu 2 | Câu 3 | Câu 4 | Câu 5 | Câu 6 | Câu 7 | Câu 8 | Câu 9 | Câu 10 | Câu 11 | Câu 12 | Câu 13 | Câu 14 |
| A | C | D | A | B | C | D | D | C | B | A | A | C | D |

**II. PHẦN TỰ LUẬN: (3,0 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Dướng dẫn chấm** | **Thang điểm** |
| 1 | - **Hình dạng của vi khuẩn:** Đa số có dạng hình que, hình cầu, hình xoắn, hình dấu phẩy…- **Cấu tạo của vi khuẩn** gồm các thành phần: thành tế bào, màng tế bào, chất tế bào và vùng nhân. Một số vi khuẩn có thể có lông bơi hoặc roi bơi để di chuyển. | 0,5 điểm0,5 điểm |
| 2 | Tờ giấy được giữ nguyên rơi chậm hơn tờ giấy được vo tròn ở cùng một độ cao là vì lực cản của không khí tác dụng lên tờ được giữ nguyên lớn hơn lực cản của không khí tác dụng lên tờ giấy được vo tròn. Nên tờ giấy được giữ nguyên rơi chậm hơn tờ giấy được vo tròn. | 1,0 điểm |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 3 | Diagram, schematic  Description automatically generated**Chú ý:**- Vẽ không đúng hướng: Không cho điểm.- Vẽ sai tỷ xích (phân đoạn sai từ 2 đoạn trở lên): Không cho điểm. | 1,0 điểm |

**NGƯỜI RA HƯỚNG DẪN CHẤM**

**Huỳnh Phước Quang**